TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 11 - 02 - 2026
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Tuấn Vĩnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Minh Tuấn

Bà Nguyễn Thị Lam.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lăng Đức Lan

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 02 năm 2026, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 5 - Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 94/2025/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 10 năm 2025; về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2026/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 01 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2026/QĐST-DS, ngày 02 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trương Thị Q, sinh năm 2000; căn cước công dân số: 002300000953, cấp ngày: 17/4/2021; nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ C1; có mặt.

- Bị đơn: Anh Vũ Thành C, sinh năm 2000; căn cước công dân số: 002200001118, cấp ngày: 25/6/2021; nơi cấp: Cục C2 - Bộ C1; "vắng mặt lần 2, không có lý do".

Cùng địa chỉ cư trú: Thôn T, xã T, tỉnh Tuyên Quang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 20/10/2025 và tại phiên toà chị Trương Thị Q trình bày: Chị và anh Vũ Thành Chung kết H trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 21/10/2020 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang (nay là xã T, tỉnh Tuyên Quang). Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, mỗi người một quan điểm sống khác nhau, vợ chồng không có sự động viên chia sẻ, không có tiếng nói

chung, chồng chị chơi bời cờ bạc, không chăm lo cuộc sống gia đình, một mình chị lo cuộc sống chi tiêu hàng ngày, chồng chị không lo làm ăn, không giúp đỡ vợ con, chị đã khuyên bảo chồng chị nhiều lần nhưng chồng chị không thay đổi. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên can thiệp hòa giải nhưng không có kết quả, chị đã một lần làm đơn ly hôn đến Toà án giải quyết, sau đó được Toà án khuyên nhủ nên chị đã rút đơn về để vợ chồng quay về đoàn tụ, tuy nhiên kể từ thời điểm rút đơn về chồng chị vẫn không thay đổi, vợ chồng vẫn bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng sống ly thân từ tháng 7 năm 2025 cho đến nay. Hiện tại chị thấy tình cảm giữa hai vợ chồng không còn, có níu kéo cũng không hạnh phúc nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vũ Thành C theo quy định.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Vũ Hải N, sinh ngày 23/10/2020. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu N cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi và chị không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung, công nợ chung: Chị Trương Thị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Vũ Thành C vắng mặt, anh C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc, không nộp bản tự khai và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ có liên quan trong vụ án cho Tòa án. Tòa án đã giao Thông báo về việc thụ lý vụ án và Giấy triệu tập cho Trưởng thôn T, xã T là ông Phan Văn T, ông T đã nhận văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh C được biết việc chị Q yêu cầu ly hôn anh C. Anh Vũ Thành C nhiều lần vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án đã Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại các Biên bản xác minh ngày 12/01/2026 của Toà án nhân dân khu vực 5 - Tuyên Quang với bố đẻ anh C là ông Vũ Quang G và Trưởng thôn T, xã T, Chuyên viên Văn phòng UBND - HĐND phụ trách lĩnh vực Tư pháp - Hộ tịch xã T, tỉnh Tuyên Quang nơi chị Trương Thị Q và anh Vũ Thành C sinh sống phản ánh về tình trạng hôn nhân của anh chị như sau:

Chị Trương Thị Q và anh Vũ Thành C được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang (nay là xã T, tỉnh Tuyên Quang) vào ngày 21 tháng 10 năm 2020 trên cơ sở tự nguyện của cả đôi bên. Sau khi kết hôn, anh chị về chung sống tại thôn T, xã T, tỉnh Tuyên Quang, anh chị sống với nhau hạnh phúc. Đến đầu năm 2023 vợ chồng anh chị xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách hai vợ chồng không hòa hợp, luôn bất đồng quan điểm và không tìm được tiếng nói chung, anh C hay chơi bời cờ bạc dẫn đến hai vợ chồng thường xảy ra xô xát, cãi vã nhau. Mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị đã được hai bên gia đình khuyên bảo, hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng anh chị cũng không cải thiện được mà ngày càng trầm trọng hơn. Năm 2024 chị Q đã một lần có đơn ly hôn đến Toà án giải quyết, sau đó được Toà án hoà giải nên chị quỹ rút đơn để vợ chồng quay về đoàn tụ, kể từ ngày rút đơn về, anh C vẫn không thay đổi được tính chơi bời, không giúp vợ làm ăn chăm lo cuộc sống gia đình. Do mâu thuẫn vợ

chồng nên anh chị đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2025 cho đến nay. Hiện nay mỗi người sống một nơi, không quan tâm đến nhau. Quá trình chung sống vợ chồng anh chị có 01 con chung là cháu Vũ Hải N, sinh ngày 23/10/2020, trong thời gian anh chị sống ly thân thì chị Q là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu N, quá trình chị Q nuôi cháu N đã đảm bảo các điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu N tốt, anh C không có điều kiện, khả năng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu N. Về tài sản chung và công nợ chung, do chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên chúng tôi không cung cấp thông tin gì thêm.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Tuyên Quang: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà đã thực hiện đúng quy định của pháp luật; nguyên đơn, đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ, không có mặt theo giấy triệu tập của Toà án. Xét thấy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Trương Thị Q được ly hôn anh Vũ Thành C; Về việc nuôi con chung: Giao cháu Vũ Hải N, sinh ngày 23/10/2020 cho chị Trương Thị Q trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi, anh C không phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, công nợ chung: Không đề cập xem xét; Về án phí: Nguyên đơn là chị Trương Thị Q phải chịu án phí theo quy định của pháp luật, bị đơn là anh Vũ Thành C không phải chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án, do chị Trương Thị Q có đơn yêu cầu ly hôn, căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án. Thẩm quyền theo cấp xét xử thì Tòa án nhân dân khu vực có thẩm quyền giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 của Quốc Hội. Bị đơn anh Vũ Thành C có nơi cư trú tại thôn T, xã T, tỉnh Tuyên Quang, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thẩm quyền theo lãnh thổ là Tòa án nơi bị đơn cư trú nên Tòa án nhân dân khu vực 5 - Tuyên Quang thụ lý là đúng thẩm quyền.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án thông qua cháu trưởng thôn T, anh Vũ Thành C nhận văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh C vẫn không có mặt và cũng không có ý kiến gì về việc chị Trương Thị Q yêu cầu ly hôn. Xét thấy Toà án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai, bị đơn anh C vắng mặt tại phiên toà không có lý do, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Toà án tiến hành xét xử vắng mặt anh Vũ Thành C.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị Q và anh Vũ Thành C tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào ngày 21/10/2020 tại Ủy ban nhân dân xã T,

huyện B, tỉnh Hà Giang (nay là xã T, tỉnh Tuyên Quang) nên hôn nhân giữa chị Q và anh C là hợp pháp.

[4] Xét về tình trạng hôn nhân: Quá trình chung sống, vợ chồng anh C, chị Q sống hạnh phúc. Đến đầu năm 2023 vợ chồng anh chị xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách hai vợ chồng không hòa hợp, luôn bất đồng quan điểm và không tìm được tiếng nói chung, anh C hay chơi bời cờ bạc dẫn đến hai vợ chồng thường xảy ra xô xát, cãi vã nhau. Mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị đã được hai bên gia đình khuyên bảo, hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng anh chị cũng không cải thiện được mà ngày càng trầm trọng hơn. Năm 2024 chị Q đã một lần có đơn ly hôn đến Toà án giải quyết, sau đó được Toà án hoà giải nên chị quỹ rút đơn để vợ chồng quay về đoàn tụ, kể từ ngày rút đơn về, anh C vẫn không thay đổi được tính chơi bời, không giúp vợ làm ăn chăm lo cuộc sống gia đình. Do mâu thuẫn vợ chồng nên anh chị đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2025 cho đến nay, thời gian sống ly thân cả hai không quan tâm chăm sóc đến nhau, mỗi người sống một nơi. Quá trình giải quyết, mặc dù Toà án đã tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ cho anh C nhưng anh C vẫn vắng mặt, không có ý kiến về yêu cầu ly hôn của chị Q. Chị Q xác định không còn tình cảm với anh C, vợ chồng đã sống ly thân, nên chị Q kiên quyết xin ly hôn. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, chị Q không tạo điều kiện để tiếp tục chung sống. Cho thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Q và anh C thật sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, cả hai không quan tâm, chăm sóc đến nhau. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trương Thị Q.

[5] Về việc nuôi con chung: Thời gian chung sống anh chị có 01 con chung là cháu Vũ Hải N, sinh ngày 23/10/2020. Khi ly hôn, chị Q có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cháu nam cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay cháu N đang sống chung cùng chị Q, quá trình chị quỹ nuôi cháu N đã đảm bảo các điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu N tốt, anh C chơi bời, không chăm lo cuộc sống gia đình. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu N, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận giao cháu N cho chị Q được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh C được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở anh C thực hiện quyền này.

[6] Về chia tài sản chung, công nợ chung: Chị Trương Thị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[7] Về án phí: Chị Trương Thị Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 68, Điều 69, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 của Quốc Hội; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Trương Thị Q. Chị Trương Thị Q được ly hôn anh Vũ Thành C.

2. Về việc nuôi con chung: Chị Trương Thị Q là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Vũ Hải N, sinh ngày 23/10/2020 cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi; anh Vũ Thành C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Vì quyền lợi của con chung chị Q, anh C có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Chị Trương Thị Q phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm ly hôn được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí chị Q đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang theo biên lai thu số: 0000939, ngày 22/10/2025.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND khu vực 5 - Tuyên Quang;
- Phòng THADS khu vực 5 - Tuyên Quang;
- UBND xã Tân Quang, tỉnh Tuyên Quang nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Tuấn Vĩnh